

Phụ lục 10

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO

BẢNG GHI ĐIỂM QUÁ TRÌNH

Học kỳ: 2 – Năm học: 2025 – 2026

Môn học/Nhóm: Bóng Đá – HP (23401806)
CBGD: Nguyễn Thanh Bình

Số tín chỉ: 02

ST T	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	BP. 1	BP . 2	BP. 3	Điểm quá trình	Ghi chú
1	2125040120	Võ Lê Tuấn	Anh	18/05/2007	Công nghệ chế tạo máy D	7.0	6.0	8.0	7.3	
2	2125040098	Lê Nguyễn Quốc	Bảo	27/01/2007	Công nghệ chế tạo máy C	7.0	6.0	8.0	7.3	
3	2125030104	Lê Tiến	Đạt	13/06/2007	Công nghệ chế tạo máy D	7.0	9.0	7.0	7.5	
4	2125040079	Nguyễn Minh	Đức	07/01/2007	Công nghệ chế tạo máy C	7.0	5.0	7.0	6.5	
5	2125040118	Nguyễn Quốc	Dũng	20/04/2007	Công nghệ chế tạo máy D	7.0	6.0	8.0	7.3	
6	2125040085	Nguyễn Quang	Dương	21/10/2006	Công nghệ chế tạo máy C	0.0	0.0	0.0	0.0	
7	2125040126	Lâm Nhật	Hào	07/06/2007	Công nghệ chế tạo máy C	2.0	2.0	2.0	2.0	
8	2125040091	Trần Văn	Hiếu	25/12/2007	Công nghệ chế tạo máy C	7.0	6.0	8.0	7.3	
9	2125040094	Lương Văn	Hoà	30/08/2007	Công nghệ chế tạo máy C	7.0	6.0	8.0	7.3	
10	2125040132	Đặng Văn	Hoàng	17/05/2006	Công nghệ chế tạo máy D	0.0	0.0	0.0	0.0	
11	2125040127	Thạch Nguyễn Qui	Hoàng	12/11/2007	Công nghệ chế tạo máy C	7.0	6.0	8.0	7.3	
12	2125040112	Nguyễn Văn	Hon	15/08/2007	Công nghệ chế tạo máy D	7.0	5.0	7.0	6.5	
13	2125040102	Nguyễn Thế	Hùng	12/05/2005	Công nghệ chế tạo máy C	0.0	0.0	0.0	0.0	
14	2125040086	Châu Trần Anh	Huy	19/11/2007	Công nghệ chế tạo máy C	0.0	0.0	0.0	0.0	
15	2125040125	Nguyễn An	Huy	21/12/2007	Công nghệ chế tạo máy D	0.0	0.0	0.0	0.0	
16	2125040081	Hà Ngọc	Kiên	07/01/2007	Công nghệ chế tạo máy C	7.0	9.0	7.0	7.5	
17	2125040152	Nguyễn Chí	Kiên	21/11/2006	Công nghệ chế tạo máy D	0.0	0.0	0.0	0.0	

ST T	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	BP. 1	BP . 2	BP. 3	Điểm quá trình	Ghi chú
18	2125040146	Lê Quang Anh	Kiệt	22/04/2006	Công nghệ chế tạo máy D	0.0	0.0	0.0	0.0	
19	2125040104	Nguyễn Thái	Kiệt	21/11/2007	Công nghệ chế tạo máy C	7.0	9.0	7.0	7.5	
20	2125040100	Thái Võ Phi	Long	18/07/2007	Công nghệ chế tạo máy C	2.0	2.0	2.0	2.0	
21	2125040109	Nguyễn Ngọc Quốc	Minh	19/05/2007	Công nghệ chế tạo máy C	0.0	0.0	0.0	0.0	
22	2125040074	Lữ Nguyễn Thành	Nghĩa	13/11/2007	Công nghệ chế tạo máy C	8.0	7.0	6.0	6.8	
23	2125040077	Nguyễn Hữu	Nghĩa	29/04/2007	Công nghệ chế tạo máy C	8.0	7.0	6.0	6.8	
24	2125040147	Châu Tấn	Pháp	13/09/1998	Công nghệ chế tạo máy D	0.0	0.0	0.0	0.0	
25	2125040148	Hà Nguyễn Tri	Phương	25/01/2007	Công nghệ chế tạo máy D	8.0	7.0	6.0	6.8	
26	2125040078	Trần Lâm Hoài	Phương	29/03/2007	Công nghệ chế tạo máy C	8.0	7.0	6.0	6.8	
27	2125040090	Phan Công	Quyền	09/04/2007	Công nghệ chế tạo máy C	0.0	0.0	0.0	0.0	
28	2125040088	Trần Tấn	Tài	01/07/2007	Công nghệ chế tạo máy C	8.0	7.0	6.0	6.8	
29	2125040151	Hồ Ngọc	Thái	13/04/2005	Công nghệ chế tạo máy D	2.0	2.0	2.0	2.0	
30	2125040107	Dương Văn	Thế	17/10/2007	Công nghệ chế tạo máy C	0.0	0.0	0.0	0.0	
31	2125040139	Phạm Trung	Trúc	10/07/2006	Công nghệ chế tạo máy D	0.0	0.0	0.0	0.0	
32	2125040106	Võ Tấn	Trung	23/05/2007	Công nghệ chế tạo máy C	9.0	8.0	9.0	8.8	
33	2125040083	Son	Tú	02/02/2007	Công nghệ chế tạo máy C	9.0	8.0	9.0	8.8	
34	2125040097	Bùi Bá	Vĩ	28/04/2007	Công nghệ chế tạo máy C	9.0	8.0	9.0	8.8	
35	2125040076	Trương Nhất	Việt	18/10/2007	Công nghệ chế tạo máy C	9.0	8.0	9.0	8.8	
36	2125040128	Võ Quốc	Việt	01/06/2007	Công nghệ chế tạo máy D	0.0	0.0	0.0	0.0	
37	2125040116	Lê Công	Vinh	24/02/2007	Công nghệ chế tạo máy D	9.0	8.0	5.0	6.8	

TPHCM, ngày 7 tháng 07 năm 2026

Giảng viên

A handwritten signature in blue ink, consisting of a stylized 'N' followed by a horizontal line and a small flourish.

Nguyễn Thanh Bình

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO

BẢNG GHI ĐIỂM MÔN HỌC/HỌC PHẦN
Học kỳ: 2 – Năm học: 2025 – 2026

Môn học/Nhóm: Bóng Đá – HP (23401806)

Số tín chỉ: 02

CBGD: Nguyễn Thanh Bình

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Điểm quá trình	Điểm thi	Điểm học phần	Ghi chú
1	2125040120	Võ Lê Tuấn	Anh	18/05/2007	CCQ2504D	7.3	6.0	6,50	
2	2125040098	Lê Nguyễn Quốc	Bảo	27/01/2007	CCQ2504C	7.3	8.0	7,70	
3	2125030104	Lê Tiến	Đạt	13/06/2007	CCQ2504D	7.5	7.0	7,20	
4	2125040079	Nguyễn Minh	Đức	07/01/2007	CCQ2504C	6.5	5.0	5,60	
5	2125040118	Nguyễn Quốc	Dũng	20/04/2007	CCQ2504D	7.3	2.0	4,10	
6	2125040085	Nguyễn Quang	Dương	21/10/2006	CCQ2504C	0.0	0.0	0,00	Nghĩ
7	2125040126	Lâm Nhật	Hào	07/06/2007	CCQ2504C	2.0	4.0	3,20	
8	2125040091	Trần Văn	Hiếu	25/12/2007	CCQ2504C	7.3	6.0	6,50	
9	2125040094	Lương Văn	Hoà	30/08/2007	CCQ2504C	7.3	7.0	7,10	
10	2125040132	Đặng Văn	Hoàng	17/05/2006	CCQ2504D	0.0	0.0	0,00	Nghĩ
11	2125040127	Thạch Nguyễn Qui	Hoàng	12/11/2007	CCQ2504C	7.3	9.0	8,30	
12	2125040112	Nguyễn Văn	Hon	15/08/2007	CCQ2504D	6.5	6.0	6,20	
13	2125040102	Nguyễn Thế	Hùng	12/05/2005	CCQ2504C	0.0	0.0	0,00	Nghĩ
14	2125040086	Châu Trần Anh	Huy	19/11/2007	CCQ2504C	0.0	0.0	0,00	Nghĩ
15	2125040125	Nguyễn An	Huy	21/12/2007	CCQ2504D	0.0	0.0	0,00	Nghĩ
16	2125040081	Hà Ngọc	Kiên	07/01/2007	CCQ2504C	7.5	8.0	7,80	
17	2125040152	Nguyễn Chí	Kiên	21/11/2006	CCQ2504D	0.0	0.0	0,00	Nghĩ
18	2125040146	Lê Quang Anh	Kiệt	22/04/2006	CCQ2504D	0.0	0.0	0,00	Nghĩ

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Điểm quá trình	Điểm thi	Điểm học phần	Ghi chú
19	2125040104	Nguyễn Thái	Kiệt	21/11/2007	CCQ2504C	7.5	9.0	8,40	
20	2125040100	Thái Võ Phi	Long	18/07/2007	CCQ2504C	2.0	8.0	5,60	
21	2125040109	Nguyễn Ngọc Quốc	Minh	19/05/2007	CCQ2504C	0.0	0.0	0,00	Nghĩ
22	2125040074	Lữ Nguyễn Thành	Nghĩa	13/11/2007	CCQ2504C	6.8	7.0	6,90	
23	2125040077	Nguyễn Hữu	Nghĩa	29/04/2007	CCQ2504C	6.8	8.0	7,50	
24	2125040147	Châu Tấn	Pháp	13/09/1998	CCQ2504D	0.0	0.0	0,00	Nghĩ
25	2125040148	Hà Nguyễn Tri	Phương	25/01/2007	CCQ2504D	6.8	10.0	8,70	
26	2125040078	Trần Lâm Hoài	Phương	29/03/2007	CCQ2504C	6.8	8.0	7,50	
27	2125040090	Phan Công	Quyền	09/04/2007	CCQ2504C	0.0	0.0	0,00	Nghĩ
28	2125040088	Trần Tấn	Tài	01/07/2007	CCQ2504C	6.8	9.0	8,10	
29	2125040151	Hồ Ngọc	Thái	13/04/2005	CCQ2504D	2.0	6.0	4,40	
30	2125040107	Dương Văn	Thế	17/10/2007	CCQ2504C	0.0	0.0	0,00	Nghĩ
31	2125040139	Phạm Trung	Trực	10/07/2006	CCQ2504D	0.0	0.0	0,00	Nghĩ
32	2125040106	Võ Tấn	Trung	23/05/2007	CCQ2504C	8.8	5.0	6,50	
33	2125040083	Sơn	Tú	02/02/2007	CCQ2504C	8.8	10.0	9,50	
34	2125040097	Bùi Bá	Vĩ	28/04/2007	CCQ2504C	8.8	9.0	8,90	
35	2125040076	Trương Nhất	Việt	18/10/2007	CCQ2504C	8.8	10.0	9,50	
36	2125040128	Võ Quốc	Việt	01/06/2007	CCQ2504D	0.0	0.0	0,00	Nghĩ
37	2125040116	Lê Công	Vinh	24/02/2007	CCQ2504D	6.8	8.0	7,50	

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Tên lớp	Điểm quá trình	Điểm thi	Điểm học phần	Ghi chú
-----	-------	-----------	-----------	---------	----------------------	-------------	------------------	---------

TPHCM , ngày 7 tháng 7 năm 2026

Giảng viên



Nguyễn Thanh Bình